

# TĂNG CƯỜNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI THÔNG QUA NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỢP TÁC GIỮA NHÀ NƯỚC VÀ TƯ NHÂN TRONG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)

*Trương Thị Anh Đào<sup>1</sup>*

*Vũ Kiến Phúc<sup>2</sup>*

## TÓM TẮT

*Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là một xu thế tất yếu nhằm tạo ra những đột phá mới trong sản xuất nông nghiệp và thu hút nguồn vốn đầu tư dồi dào vào lĩnh vực này. Góp phần vào thành công của mục tiêu này chính là đẩy mạnh quá trình nghiên cứu và phát triển trong sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh sự hỗ trợ đáng kể từ các chính sách của Nhà nước, vai trò của các thành phần kinh tế tư nhân cũng đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Bài viết tập trung phân tích lợi ích mối quan hệ hợp tác giữa nhà nước và tư nhân trong quá trình thực hiện công tác nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm góp phần vào công cuộc phát triển nông nghiệp bền vững và thu hút đầu tư, từ đó, kiến nghị một số giải pháp góp phần hoàn thiện và nâng cao tính hiệu quả trong phối hợp hoạt động giữa hai đối tác này.*

**Từ khóa:** *Hợp tác giữa nhà nước và tư nhân, nghiên cứu và phát triển, phát triển nông nghiệp*

### 1. Đặt vấn đề

Mô hình kinh điển được đưa ra bởi Lewis (1954) [1] và sau đó được mở rộng bởi Ranis và Fei (1961) [2] dựa trên ý tưởng về lao động dư thừa trong ngành nông nghiệp. Với năng suất thấp hơn trong nông nghiệp, tiền lương sẽ cao hơn trong khu vực hiện đại, dẫn đến lao động chuyển từ nông nghiệp sang khu vực hiện đại, từ đó tạo ra tăng trưởng kinh tế. Dựa trên mô hình Lewis, Johnston và Mellor (1961) [3] cho rằng ngành nông nghiệp như một ngành hoạt động tích cực trong nền kinh tế. Ngoài việc cung cấp lao động và lương thực, nông nghiệp đóng vai trò tích cực trong tăng trưởng kinh tế thông

qua các liên kết sản xuất và tiêu dùng. Theo quan điểm của Schultz (1964) [4], nông nghiệp đóng vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế với nhiệm vụ đảm bảo sinh tồn cho xã hội, mà không có sự tăng trưởng là không thể. Hầu hết các nhà kinh tế và các nhà hoạch định chính sách xác định tăng trưởng năng suất nông nghiệp như là một lý do hàng đầu khiến sản xuất lương thực toàn cầu tiếp tục đáp ứng nhu cầu lương thực đang tăng lên. Thêm vào đó, bằng chứng cho thấy đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) đối với các hệ thống nghiên cứu nông nghiệp và thực phẩm đã tạo ra những kiến thức và công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất

<sup>1</sup>Trường Đại học kinh tế TP. Hồ Chí Minh

Email: adao@ueh.edu.vn

<sup>2</sup>Trường Cao Đẳng Kinh tế - Tài chính Vĩnh Long

nông nghiệp theo Fuglie và Toole (2014) [5]. Tóm lại, tăng trưởng nông nghiệp bền vững là một trong những nền tảng vững chắc của tăng trưởng kinh tế tại một quốc gia. Theo Naseem và cộng sự (2010) [6], các công ty nước ngoài có thể sẵn sàng đầu tư vào các nước nhỏ nếu lợi ích của công nghệ mới được thể hiện dưới hình thức sản lượng nông nghiệp cao và có thể xuất khẩu ra thị trường nước ngoài với mức cao hơn. Nhận thức được điều đó, Việt Nam xác định đầu tư cho nghiên cứu và phát triển nông nghiệp bền vững là một trong những nhiệm vụ hàng đầu đặt ra cho toàn Đảng và toàn dân. Cùng góp phần vào thực hiện thắng lợi mục tiêu đã đề ra, tỉnh Đồng Nai đã không ngừng phấn đấu phát triển và đạt được khá nhiều thành tựu trong tiến trình phát triển nông nghiệp. Với nguồn vốn đầu tư dồi dào từ cả trong và ngoài nước, ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn từ năm 2011 đến 2016 đã gặt hái nhiều thành công lớn thông qua việc xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả cao như dự án cánh đồng lớn, mô hình nuôi tôm tiên tiến... Tuy nhiên năm 2017, số vốn đầu tư cho loại hình kinh tế này lại khá khiêm tốn do một số nguyên nhân như giá nông sản giảm mạnh do biến đổi khí hậu thất thường, khó khăn trong việc tìm nguồn tiêu thụ cho nông sản, quy mô diện tích đất sản xuất còn nhỏ lẻ, xen canh nhiều nên rất khó khăn trong triển khai thực hiện các dự án; một số doanh nghiệp,

hợp tác xã và nông dân chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của việc liên kết sản xuất, vai trò hỗ trợ của chính quyền địa phương đối với các chủ dự án vẫn chưa kịp thời. Do đó để có thể tiếp tục thu hút đầu tư vào lĩnh vực này cần có sự kết hợp giữa Nhà nước và tư nhân trong nghiên cứu và phát triển nông nghiệp nhằm mang lại niềm tin cho nhà đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp tại tỉnh Đồng Nai - lĩnh vực kinh tế nhiều tiềm năng tại địa phương vốn được nhiều ưu đãi về điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế nông nghiệp.

## **2. Tình hình đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp tại tỉnh Đồng Nai trong thời gian qua**

Với vị trí địa lý thuộc vào trung tâm Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và là một trong ba góc nhọn của tam giác phát triển là thành phố Hồ Chí Minh - Bình Dương - Đồng Nai, Đồng Nai xếp vị trí thứ 4 trong cả nước về thu hút đầu tư từ nước ngoài dựa vào lợi thế về kết cấu hạ tầng giao thông thuận lợi và cơ sở hạ tầng của các khu công nghiệp. Năm 2017 được xem là một năm bội thu trong thu hút nguồn vốn đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Đồng Nai với nhiều dự án đầu tư có vốn lớn và nhiều dự án được triển khai nhanh. Theo nguồn thông tin từ Sở Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh, trong năm 2017, toàn tỉnh thu hút được khoảng 83 dự án đầu tư trong nước. Trong đó, có 69 dự án cấp mới với tổng vốn đăng ký hơn 24,5 ngàn tỷ

đồng và 14 dự án điều chỉnh tăng vốn hơn 3,7 ngàn tỷ đồng. Thu hút đầu tư trong nước của Đồng Nai năm 2017 đạt hơn 28,3 ngàn tỷ đồng, tăng gấp 2,5 lần so với kế hoạch năm đề ra, phần lớn tập trung vào lĩnh vực bất động sản, hạ tầng và công nghiệp. Một điểm đáng chú ý, trong năm nay, tỉnh có sự chọn lọc và kiểm duyệt khắt khe hơn đối với các dự án đầu tư, chỉ mời gọi những dự án có công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, hạ tầng, dịch vụ thương mại. Những dự án có nguy cơ gây ô nhiễm cao và sử dụng quá nhiều lao động phổ thông đều không được thông qua.

Những yêu cầu trên đã đặt ra nhiều điều kiện, nhiều quy định hơn cho các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực nông nghiệp. Theo chương trình hành động của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai được công bố hằng năm, phát triển nông nghiệp bền vững luôn được xem là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của tỉnh. Phát triển nông nghiệp bền vững không những tạo điều kiện cho việc đảm bảo đời sống của người dân lao động, phát triển kinh tế - xã hội địa phương mà còn góp phần thu hút nguồn vốn đầu tư dồi dào nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của nông sản của tỉnh so với các địa phương trong cả nước, các nước khác trong khu vực, thậm chí là cả thế giới.

Hiện tại, trên địa bàn tỉnh đã có 14 dự án cánh đồng lớn được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh phê duyệt với tổng

diện tích 6.126 ha với 5.182 hộ tham gia; 12 dự án đã được chấp thuận chủ trương hiện đang trong giai đoạn xây dựng dự án với diện tích 1.865 ha và 2.100 hộ tham gia. Bên cạnh đó có 2 dự án cánh đồng lớn đã có đơn đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư. Thêm vào đó, Đồng Nai đang quy hoạch cánh đồng lớn đối với 3 nhóm cây trồng gồm: cây ngắn ngày, cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả lâu năm với 19 loại cây trồng trên tổng diện tích gần 160 ngàn ha.

Cùng với những nỗ lực không ngừng trong phát triển lĩnh vực nông nghiệp nhằm thu hút đầu tư như tạo mọi điều kiện ưu đãi về chính sách, cơ chế thu hút nhà đầu tư, một số địa phương của tỉnh còn tổ chức nhiều buổi hội thảo với nhiều chuyên đề khác nhau liên quan đến phát triển nông nghiệp với sự tham gia của nhiều tổ chức, doanh nghiệp (DN) từ khắp nơi trên mọi miền đất nước và các đối tác nước ngoài nhằm thu hút nhà đầu tư về địa phương liên kết cùng nông dân phát triển nông nghiệp bền vững. Theo thống kê của Sở Kế hoạch và Đầu tư, trong vòng 5 năm, từ 2011 - 2015, tổng số dự án thu hút đầu tư vào địa bàn nông thôn là 448 dự án. Trong đó bao gồm 294 dự án nhận được nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài lên đến 86,7 nghìn tỷ đồng và 154 dự án trong nước với số vốn lên đến 29,6 nghìn tỷ đồng. Riêng năm 2015, toàn tỉnh thu hút được khoảng 90 dự án đầu tư FDI vào khu vực nông nghiệp, nông

thôn với 5 dự án đầu tư vào lĩnh vực thức ăn gia súc, thủy hải sản chế biến nông sản. Theo đà phát triển của những năm trước đó, năm 2016, tỉnh Đồng Nai tiếp tục triển khai nhiều dự án đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao. Trong đó có 2 dự án liên doanh giữa Agropark và các nhà đầu tư Hàn Quốc được xúc tiến thực hiện. Dự án trồng, xuất khẩu chuối với vốn đầu tư 5 triệu đô la được triển khai ngay trong quý I-2016, bước đầu là trồng 95 hécta chuối và năm sau sẽ liên kết với nông dân phát triển lên 2 ngàn hécta. Dự án Trung tâm chăn nuôi bò và chế biến sữa cũng đã thành lập Công ty cổ phần Domilk, đang triển khai trồng cỏ và xây dựng cơ sở hạ tầng để tổ chức trại sản xuất giống với vốn đầu tư 100 tỷ đồng. Tuy nhiên tình hình đầu tư cho nông nghiệp vào năm 2017 lại khá khiêm tốn (Dự án nuôi gà đẻ trứng sạch xã Xuân Hòa (huyện Xuân Lộc) vốn đăng ký 376 tỷ đồng), nguồn vốn đầu tư tập trung chủ yếu cho các lĩnh vực vực bất động sản, hạ tầng và công nghiệp. Cụ thể như khu trung tâm dịch vụ tại xã Hiệp Phước và xã Long Thọ (huyện Nhơn Trạch), vốn đăng ký gần 5 ngàn tỷ đồng. Tiếp đến là dự án khu dân cư với các dịch vụ thương mại, nhà ở cao tầng và tái định cư ở phường Bửu Long (TP. Biên Hòa), tổng vốn đăng ký hơn 834 tỷ đồng. Dự án xây dựng hệ thống cấp nước sạch huyện Thống Nhất hơn 300 tỷ đồng; dự án nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu tại xã Long

Phước (huyện Long Thành) khoảng 200 tỷ đồng...

Đồng Nai được đánh giá cao trong thực hiện các dự án cách đồng lớn, song quá trình thực hiện vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn, trong đó, quy mô diện tích đất sản xuất còn nhỏ lẻ, xen canh nhiều nên rất khó để triển khai thực hiện các dự án. Vẫn còn một số doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của việc liên kết sản xuất. Bên cạnh đó vai trò hỗ trợ của chính quyền địa phương đối với các chủ dự án nhiều khi chưa kịp thời. Dù trong năm 2017, nông nghiệp tăng trưởng 2,5% nhưng nông sản ở địa phương này vẫn lâm vào tình trạng dù được mùa nhưng vẫn mất giá, thêm vào đó, những tháng đầu năm gặp khó khăn do ảnh hưởng thời tiết, những cơn mưa trái vụ vào thời điểm một số cây lâu năm đang ra hoa kết trái làm ảnh hưởng đến năng suất, mặt khác giá tiêu thụ sản phẩm nông sản, giá chăn nuôi heo, gà giảm mạnh ảnh hưởng đến hiệu quả nuôi, trồng của người nông dân. Lãnh đạo của Tỉnh và các ngành chức năng đã phải vào cuộc nhằm hỗ trợ nông dân vượt qua khó khăn khi giá heo, chuối xuống thấp đến mức kỷ lục. Do các ngành chức năng và địa phương tích cực thực hiện các biện pháp khắc phục kịp thời và đẩy mạnh nghiên cứu phát triển những mô hình sản xuất mới như mô hình nuôi tôm công nghệ cao tại xã Nhơn Trạch; mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật trong khâu tôm giống với

giống tôm càng xanh toàn đực tại huyện Tân Phú... nên sản xuất nông, lâm, thủy sản của tỉnh vẫn phát triển ổn định, giá trị sản xuất ước tăng 2,48% so cùng kỳ, trong đó giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 2,3%; giá trị sản xuất lâm nghiệp tăng 1,84%; giá trị sản xuất thủy sản tăng 5,81% so cùng kỳ.

Do đó để thực hiện thành công mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững đòi hỏi ngành nông nghiệp cần được quan tâm trong khâu nghiên cứu và phát triển, bởi theo Naseem và cộng sự (2010) các công ty nước ngoài có thể sẵn sàng đầu tư vào các nước nhỏ nếu lợi ích của công nghệ mới được thể hiện dưới hình thức sản lượng nông nghiệp cao và có thể xuất khẩu ra thị trường nước ngoài với mức cao hơn.

### **3. Lợi ích của hợp tác công tư trong nghiên cứu và phát triển nông nghiệp nhằm thu hút đầu tư vào lĩnh vực này**

Theo Padgett và Galan (2009) [7], R&D được coi là một hình thức đầu tư dẫn đến tăng cường kiến thức, đổi mới sản phẩm và quy trình. R&D giúp tạo ra kiến thức và công nghệ mới nâng cao năng suất nông nghiệp [5]; tăng cơ hội tạo thu nhập; đa dạng hóa các phương án sinh kế cho người có thu nhập thấp; góp phần xóa đói giảm nghèo (Adato & Meinzen-Dick, 2007) [8]. Theo Naseem và cộng sự (2010) [6], để nâng cao năng suất nông nghiệp và giảm nghèo ở các nước đang phát triển cần tiến hành đổi mới công nghệ. Đầu tư của Nhà nước

vào nghiên cứu và phát triển dẫn đến thay đổi công nghệ trong nông nghiệp. Đây là một hình thức đầu tư khá phổ biến tại các nước đang phát triển - nơi mà các bằng sáng chế hay các hợp đồng thiết lập quyền sở hữu trí tuệ rất khó thực thi với chi phí hợp lý, lợi nhuận cá nhân nhận được thấp hơn lợi ích của xã hội dẫn đến chỉ mỗi lợi ích của xã hội đạt mức tối ưu. Thêm vào đó, đầu tư R&D trong nông nghiệp vốn có rủi ro cao đã làm giảm động lực để tìm kiếm nguồn tài trợ cho hoạt động này. Theo Rosegrant và cộng sự (1998) [9]; Fan và cộng sự (2008) [10], chi tiêu cho R&D trong nông nghiệp có ảnh hưởng lớn đến năng suất trong ngành hơn so với các loại chi tiêu khác và có ảnh hưởng tích cực đến sức khỏe và dinh dưỡng. Do đó, nguồn tài chính công có thể được sử dụng để tăng đầu tư vào nghiên cứu và phát triển nông nghiệp.

Tuy nhiên Naseem và cộng sự (2010) [6] cho rằng khu vực tư nhân có thể đóng một vai trò lớn hơn trong nghiên cứu và phát triển nông nghiệp trong tương lai. Xu hướng nghiên cứu và phát triển của tư nhân chủ yếu hướng đến lợi nhuận cá nhân mong đợi cao nhất. Nhưng lợi nhuận cá nhân không phản ánh đầy đủ các lợi ích từ R&D cho khách hàng, người tiêu dùng và đối thủ cạnh tranh trong khi đó lợi ích xã hội đối với đầu tư vào R&D nên bao gồm cả lợi ích cá nhân của công ty cũng như lợi ích của các nhóm khác trong xã hội. Ngoài ra, lợi ích xã hội của R&D bao

gồm một yếu tố quan trọng không được phản ánh trong lợi nhuận cá nhân của công ty đó là sự đóng góp tích lũy của những khám phá và sáng chế cho những nghiên cứu và phát triển tiếp theo do các nhà nghiên cứu khác trong xã hội thực hiện.

Xuất phát từ những ưu điểm và hạn chế từ hai mô hình nghiên cứu và phát triển trên, mô hình hợp tác nhà nước và tư nhân trong nghiên cứu và phát triển được xem như một công cụ hiệu quả. Reid và cộng sự (2001) cho rằng mối quan hệ hợp tác giữa nhà nước và tư nhân được xem là một phương tiện nhằm tăng khả năng cạnh tranh ở cấp độ doanh nghiệp và thúc đẩy sự đổi mới bằng cách kết hợp các nguồn lực từ khu vực công và tư nhân để tạo ra sự kết hợp trong nghiên cứu và phát triển. Việc hợp tác này được xây dựng trên nền tảng sự hợp tác chặt chẽ và đồng điệu giữa các đơn vị trong khu vực nhà nước và tư nhân, trong đó các đối tác cùng nhau lên kế hoạch và thực hiện các hoạt động để đạt được các mục tiêu đã thỏa thuận như chia sẻ chi phí, rủi ro và lợi ích phát sinh trong quá trình đó. Theo đó, hợp tác giữa nhà nước và tư nhân có thể hình thành một số hình thức can thiệp từ khu vực công nhằm hạn chế sự thất bại của công trình nghiên cứu hay sự thất bại của thị trường (do thị trường không có sự đối xứng về mặt thông tin, bất bình đẳng trong xã hội) như thông qua các chương trình có sự hỗ trợ từ nguồn vốn nhà nước hay các

tổ chức quốc tế. Hoặc trợ giá một cách ngầm định cho các chi phí trong quá trình tiến hành nghiên cứu và phát triển. Wang và cộng sự (2009) cho rằng các khoản đầu tư tư nhân vào nghiên cứu và phát triển nông nghiệp có ý nghĩa tương quan đáng kể với các xu hướng chi tiêu công trong nghiên cứu nông nghiệp và khoa học đời sống. Thêm vào đó, hợp tác nhà nước và tư nhân được xem như một phương tiện để khắc phục sự thiếu chặt chẽ của các thể chế kinh tế và xã hội nếu không có sự kiểm soát trao đổi kiến thức trên thị trường. Các thể chế được đề cập đến như chế độ quyền sở hữu trí tuệ và các quy tắc thực thi hợp đồng là rất cần thiết để đảm bảo việc trao đổi kiến thức một cách suôn sẻ. Trường hợp những thể chế này không tồn tại hoặc không đủ tính răn đe, trao đổi kiến thức có thể phải chịu chi phí giao dịch đáng kể liên quan đến giám sát và thực thi việc trao đổi.

Nghiên cứu và phát triển do nhà nước tài trợ có thể bổ sung cho nghiên cứu và phát triển tư nhân. Tính bổ sung sẽ xảy ra khi đầu tư vào R&D của khu vực công khuyến khích đầu tư vào R&D tư nhân (và ngược lại). Tính bổ sung có thể xảy ra nếu các tổ chức nghiên cứu của nhà nước và tư nhân tiến hành các loại nghiên cứu khác nhau. Các nhà nghiên cứu thuộc khu vực công tập trung vào khoa học cơ bản hoặc nghiên cứu về mặt lý thuyết thì kết quả thu được có thể được sử dụng để các công ty tư nhân tiến hành

nghiên cứu ứng dụng (Fuglie và Toole, 2014). Việc thay thế diễn ra khi các hoạt động R&D công hỗ trợ các hoạt động mà khu vực tư nhân có thể thực hiện. Sự thay thế có nhiều khả năng đạt hiệu quả cao hơn khi các nhà nghiên cứu nhà nước và tư nhân làm việc trong cùng một lĩnh vực (ví dụ như chăn nuôi hoặc trồng trọt) và tiến hành nghiên cứu có tính chất tương tự và với các mục tiêu tương tự.

#### **4. Một số khuyến nghị nhằm tăng hiệu quả hợp tác giữa nhà nước và tư nhân trong nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp**

Phát triển nông nghiệp bền vững là xu hướng chủ đạo và tất yếu trong xu thế hội nhập, là giải pháp mạnh, hiệu quả trong cơ cấu ngành nông nghiệp. Ngoài việc ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng đối với nghiên cứu và phát triển, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, đầu tư cho nông nghiệp nói chung và nông nghiệp công nghệ cao nói riêng cần được quan tâm theo chiều sâu. Mặc dù Nhà nước đã có nhiều chính sách thu hút DN đầu tư vào nông nghiệp nông thôn (NNNT), nhưng tốc độ tăng trưởng số lượng DN đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp vẫn chậm so với các lĩnh vực khác. Nghị định 210/2013/NĐ-CP đã đề ra nhiều chính sách hỗ trợ nhưng DN lại vấp phải nhiều khó khăn khi tiếp cận. DN phải thực hiện 16 bước với 40 văn bản liên quan mới nhận được hỗ trợ như: xin giấy phép kinh doanh, giấy phép xây

dựng, khảo nghiệm, nhập khẩu thiết bị công nghệ cao... Nhiều chính sách khác nhằm hỗ trợ nhiều hơn mà DN rất cần, nhưng chưa được đề cập đầy đủ và toàn diện trong nghị định. Cụ thể như: chính sách về đất đai; chính sách về thuế; chính sách về tín dụng; chính sách hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao, áp dụng khoa học công nghệ (KHCN), đào tạo nguồn nhân lực... DN khi đầu tư vào nông nghiệp luôn gặp khó khăn ở một số vấn đề như chính sách đất đai chưa tạo ra được thể chế hợp lý và hiệu quả để quản lý và điều tiết thị trường đất nông nghiệp, chính sách tài chính tín dụng còn nặng hỗ trợ theo kiểu “xin - cho” mà chưa có sự quan tâm đúng mức đến nhu cầu thật sự của DN, thủ tục tiếp cận tín dụng phức tạp khi vẫn yêu cầu về các loại chứng nhận, đăng ký, tài sản thế chấp... làm giảm sự mặn mà của DN và nhà đầu tư khi đầu tư vào nông nghiệp. Ngoài ra, sự tồn tại của nhiều loại phí, lệ phí làm gia tăng chi phí và gây cản trở đáng kể trong kinh doanh của DN. Theo đánh giá của DN, thủ tục hoàn thuế, các chính sách miễn giảm, gia hạn, thuế giá trị gia tăng chưa hợp lý, nhiều máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp vẫn phải chịu thuế giá trị gia tăng; chưa có bình đẳng giữa các DN sản xuất phục vụ trong nước và phục vụ xuất khẩu. Mặt khác, ngân sách đầu tư của Nhà nước cho KHCN còn thấp, chỉ đạt dưới 2% tổng chi ngân sách và tương đương khoảng 0,4% GDP, con số này bằng khoảng 25% so

Malaysia nhưng chỉ tương đương 1% so Nhật Bản và 0,5% so Trung Quốc. Quy định về cơ chế phối hợp giữa DN và các cơ quan nghiên cứu trong chuyển giao KHCN còn hạn chế. Các quy định về sở hữu trí tuệ chưa đủ mạnh để bảo vệ quyền lợi của tác giả công trình nghiên cứu. Chính sách bảo hiểm nông nghiệp chưa sẵn sàng đáp ứng, khung pháp lý chưa đủ mạnh, thủ tục chi trả bảo hiểm phức tạp, cơ chế và biện pháp đánh giá mức đền bù và thiệt hại còn nhiều vướng mắc. Do đó để công cuộc đổi mới và phát triển, ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp được thực hiện một cách hiệu quả cần có sự cố gắng, nỗ lực từ tất cả mọi tổ chức, mọi thành phần kinh tế trong xã hội, đặc biệt là mối quan hệ hợp tác hiệu quả giữa khu vực công và khu vực tư trong nghiên cứu và phát triển đối với lĩnh vực nông nghiệp. Việc không ngừng tạo ra các sản phẩm nông nghiệp mới, thu được hiệu quả kinh tế cao và an toàn, thân thiện với con người và môi trường sẽ thu hút nguồn đầu tư dồi dào từ nguồn vốn ngân sách và nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài. Để đạt được mục tiêu đề ra, sự hợp tác giữa khu vực công và khu vực tư trong nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp cần được chú ý một số nội dung sau:

- Theo Chataway (2005) [11], Hall (2006) cho thấy mối quan hệ giữa nhà nước và tư nhân chỉ phát huy hiệu quả khi các thói quen, hành vi và thực tiễn của tổ chức về vấn đề quản lý và thực

hiện các dự án nghiên cứu và phát triển được tiến hành phân tích nhiều hơn. Nghiên cứu này lập luận rằng các phân tích về mối quan hệ giữa nhà nước và tư nhân (dù là trong nông nghiệp hay phi nông nghiệp) nên tập trung nhiều hơn vào đổi mới đồng thời ở cấp độ thể chế và tổ chức; và cách tiếp cận mang tính hệ thống hơn để hiểu sự thay đổi thể chế và tổ chức ảnh hưởng như thế nào đến tính sáng tạo trong nông nghiệp, từ đó góp phần xây dựng và hoàn thiện một thể chế hoạt động phù hợp nhất cho sự hợp tác giữa khu vực công và khu vực tư trong nghiên cứu và phát triển.

- Khu vực công phải cung cấp các hình thức ổn định kinh tế mà chỉ có các chính phủ có thể cung cấp, bao gồm một nền kinh tế ổn định và có sự công bằng trong nghiên cứu và phát triển.

- Khu vực công phải tạo cơ sở cho hệ thống “khoa học và công nghệ nông nghiệp”, tức là các cấu trúc và quy trình để thiết lập các chương trình, tài chính, tổ chức, giao nhận, giám sát và đánh giá các nghiên cứu về nông nghiệp, khuyến nông và giáo dục.

- Khu vực công phải thực hiện các chính sách kích thích sự nổi lên của các cơ chế thể chế, hành vi tổ chức, và các mô hình học tập tạo điều kiện cho sự đổi mới. Những sáng kiến, đổi mới về thể chế đã tăng cường sự hỗ trợ cho nghiên cứu nông nghiệp, cải thiện tính hiệu quả và sự phối hợp, điển hình là tại Úc, theo Alston, Gray và Bolek (2012). Chính vì thế chính quyền cùng



các sở, ban, ngành địa phương cần có những biện pháp đổi mới các quy định trong tổ chức hoạt động, hỗ trợ kỹ thuật trong nghiên cứu và phát triển, quan tâm sâu sát nhằm có những giải pháp tối ưu kịp thời để đảm bảo nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát triển sản phẩm nông nghiệp.

- Cần thỏa thuận về các mục tiêu chung và phân công các vai trò và trách nhiệm thích hợp giữa các bên liên quan trước khi tiến hành quá trình nghiên cứu và phát triển. Xây dựng cơ chế tổ chức để tạo thuận lợi cho việc trao đổi kiến thức và giải quyết xung đột phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện.

- Thực hiện cam kết về nguồn lực từ tất cả các đối tác không chỉ với các hoạt động nghiên cứu của dự án mà còn cho các hoạt động phối hợp cần thiết để quản lý và duy trì cam kết của đối tác.

- Xây dựng điểm chuẩn và điều kiện quyết định cho phép các đối tác đánh giá tiến độ, sửa đổi lộ trình của dự án và chấm dứt dự án khi cần thiết; các chiến lược để quản lý và giảm thiểu rủi ro liên quan đến các dự án, bao gồm cả hành lang pháp lý và cơ cấu tài chính chính thức cũng như các chiến lược liên quan đến vấn đề truyền thông bên ngoài.

- Quá trình nghiên cứu và phát triển trong nông nghiệp cần chú ý mối quan hệ giữa đánh giá trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) và R&D. Theo Ho và cộng sự (2016) [12], hoạt động của CSR được tích cực gắn với việc định giá R&D, sự kết hợp như vậy chỉ có ý

nghĩa trong các ngành có tính cạnh tranh cao khi góp phần giúp một công ty tạo ra một hình ảnh công ty lành mạnh và đạo đức, tăng uy tín cho các dự án nghiên cứu và phát triển, thị trường sẵn sàng tin tưởng hơn vào nỗ lực nghiên cứu và phát triển của các doanh nghiệp và thu hút nguồn đầu tư dồi dào cho dự án. Do đó Flammer (2013) cho rằng hành vi thân thiện với môi trường và CSR là những yếu tố quan trọng trong hoạch định và thực hiện các công trình nghiên cứu và phát triển trong dài hạn vì chiến lược kinh doanh hữu ích và thân thiện với môi trường luôn là mối quan tâm hàng đầu của các nhà đầu tư.

- Chính phủ cần xác định rõ ràng các ưu tiên cho nghiên cứu và phát triển trong dài hạn, thiết kế các chương trình hành động chặt chẽ, tập trung và phù hợp nhằm thu hút nguồn tài trợ từ các nhà tài trợ. Theo Stads và Beintema (2015), việc ngăn chặn những biến động tiêu cực của đầu tư vào nghiên cứu và phát triển nông nghiệp là rất quan trọng và cần có sự cam kết lâu dài của chính phủ, nhà tài trợ và khu vực tư nhân.

## 5. Kết luận

Với tỷ trọng khoảng 70% dân số ở nông thôn, lao động nông nghiệp chiếm hơn 50% lực lượng lao động xã hội, đóng góp khoảng 20% GDP. Khu vực này đang rất cần sự kết hợp hiệu quả từ các nguồn lực như vốn, KHCN hiện đại, lao động có tay nghề, trình độ... để tạo ra sự đột phá. Để hoàn thành thắng lợi

mục tiêu đề ra cần phát huy và nâng cao sự hợp tác đồng bộ giữa khu vực nhà nước và tư nhân trong vấn đề chính sách và trí tuệ, đặc biệt là trong nghiên cứu và phát triển nhằm tăng cường tối đa tiềm năng của các dự án nhằm thu hút nguồn đầu tư dồi dào từ các thành phần kinh tế trong xã hội và các nước trên thế giới. Môi quan hệ hợp tác này

sẽ trở thành công cụ đắc lực cho các địa phương có tiềm năng phát triển nông nghiệp nói riêng và các nước đang phát triển có nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp nói chung trong công cuộc phát triển nông nghiệp bền vững, góp phần xóa đói giảm nghèo và đảm bảo an ninh lương thực.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lewis, W.A (1954), "Economic development with unlimited supply of labour", *Manchester School of Economic and Social Studies*, Vol. 22, Pp. 139-191
2. Ranis, G., Fei, J.C.H (1961), "A theory of economic development", *The American Economic Review*, Vol. 51, Pp. 533-565
3. Johnston, B.F., Mellor, J.W (1961), "The role of agriculture in economic development", *The American Economic Review*, Vol 51, Pp.566-593
4. Schultz, T.W (1964), *Transforming Traditional Agriculture*, Yale University Press, New Haven, CT
5. Keith O. Fuglie, Andrew A. Toole (2014), "The evolving institutional structure of public", *American Journal of Agricultural Economics*, Vol 96, Issue 3, Pp. 862-883
6. Anwar Naseem, David J. Spielman, Steven Were Omamo (2010), "Private-Sector Investment in R&D: A Review of Policy Options to Promote its Growth in Developing-Country Agriculture", *Agribusiness*, Vol. 26, No. 1, Pp. 143-173
7. Robert C. Padgett, Jose I. Galan (2009), "The Effect of R&D Intensity on Corporate Social Responsibility", *Journal of Business Ethics*. Vol. 93, No. 3, Pp. 407-418
8. Adato, M., Meinzen-Dick, R.S (2007), *Agricultural research, livelihoods, and poverty: studies of economic and social impacts in six countries*, Baltimore, MD (USA), Johns Hopkins Univ. Press. 388 pp
9. Rosegrant, M., Kasryno, F., Perez, N.D (1998), "Output response to prices and public investment in agriculture: Indonesian food crops", *Perez Journal of Development Economics*, Vol. 55, No. 2, Pp. 333-352
10. Fan, S., Yu, B., Jitsuchon, S. (2008), "Does allocation of public spending matter in poverty reduction? Evidence from Thailand", *Asian Economic Journal*, Vol. 22, No. 4, Pp. 411-430

11.Chataway J. (2005), “Introduction: is it possible to create pro-poor agriculture-related biotechnology?”, *Journal of International Development*, Vol. 17, No.5, Pp. 597-610

12.Simon S.M. Ho, Annie Yuansha Li, Kinsun Tam, Jamie Y.Tong (2016), “Ethical image, Corporate Social Responsibility, and R&D Valuation”, *Pacific-Basin Finance Journal*, Vol. 40, Pp. 335-348

**RAISING INVESTMENT CAPITAL IN AGRICULTURE IN DONG NAI  
PROVINCE BY ENHANCING THE EFFICIENCY OF  
COOPERATION BETWEEN THE STATE AND  
PRIVATE SECTORS IN RESEARCH AND DEVELOPMENT**

**ABSTRACT**

*High-tech agricultural development is an indispensable trend to create new breakthroughs in agricultural production and attract plentiful investment capital into this field. Contributing to the success of this goal is to accelerate research and development in agricultural production. In addition to the considerable support from public policies, the role of the private sector plays a very important role. The paper focuses on the benefits of public-private partnerships in the implementation of research and development in the agricultural sector, contributing to the sustainable development of agriculture and investment. Hence, some solutions are suggested to complete and enhance the efficiency of coordination between the two partners.*

**Keywords:** *Public-private partnerships, research and development, agriculture development*

(Received: 23/7/2018, Revised: 24/8/2018, Accepted for publication: 18/9/2018)